

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 6 – 33 |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 – 11 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 12 – 33 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 879/1998/QĐ/TCCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3706000030 ngày 21 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh theo Quyết định 714/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200285254 ngày 14 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là **15.014.922.632** đồng, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần cấp ngày 08 tháng 01 năm 2016 là **20.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2016, Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | | |
|---------------------|---------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Như Bình | Chủ tịch HĐQT | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |
|---------------------|---------------|--------------------------------------|

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | | |
|----------------------|---------------|------------------------------------|
| Ông Bùi Văn Quang | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Như Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |
| Ông Đặng Trung Thiết | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Như Bình | Giám đốc | |
| Ông Phan Văn Thuyên | Phó Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Văn Hào | Phó Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Đức Hợp | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |
| Bà Nguyễn Thị Lan Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |
| Bà Nguyễn Thị Đào | Trưởng phòng TCKT | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Khánh Hoà, ngày 25 tháng 02 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Như Bình

Số: 29../2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 116.088.132.715 | 80.340.242.076 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 6.456.001.589 | 9.663.708.369 |
| 1. | Tiền | 111 | | 6.456.001.589 | 4.663.708.369 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 5.000.000.000 |
| II. | Đầu tư tài chính | 120 | | - | - |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 78.085.618.092 | 42.979.831.781 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 62.439.799.513 | 39.552.891.434 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 11.684.113.934 | 621.857.403 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 933.473.987 | 1.034.526.496 |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.04 | 3.028.230.658 | 1.770.556.448 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | - | - |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.05 | 31.106.131.015 | 27.531.739.882 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 31.106.131.015 | 27.531.739.882 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 440.382.019 | 164.962.044 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 294.607.760 | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 145.774.259 | 164.962.044 |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 954.143.862.182 | 795.769.280.409 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 950.628.149.779 | 795.315.400.875 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 923.595.004.442 | 768.282.255.538 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 1.866.735.338.022 | 1.632.926.414.538 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (943.140.333.580) | (864.644.159.000) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.08 | 27.033.145.337 | 27.033.145.337 |
| | - Nguyên giá | 228 | | 27.033.145.337 | 27.033.145.337 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| 1. | Nguyên giá | 231 | | - | - |
| 2. | Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.06 | - | 253.879.534 |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 253.879.534 |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.02 | 200.000.000 | 200.000.000 |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 200.000.000 | 200.000.000 |
| 5. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.315.712.403 | - |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 3.315.712.403 | - |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.070.231.994.897 | 876.109.522.485 |

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 112.977.109.414 | 75.987.480.718 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 109.997.741.578 | 71.742.653.747 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 45.798.715.353 | 41.432.730.287 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 5.649.422.523 | 4.161.045.464 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 3.268.686.519 | 3.018.901.034 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 5.953.568.000 | 3.335.759.218 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 141.784.791 | 990.038.363 |
| 6. | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 6.742.574.382 | 9.458.985.417 |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 12.789.340.216 | 4.737.992.064 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.10 | 26.811.388.500 | - |
| 11. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 2.842.261.294 | 4.607.201.900 |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | 2.979.367.836 | 4.244.826.971 |
| 5. | Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | 2.979.367.836 | 4.244.826.971 |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | V.15 | 957.254.885.483 | 800.122.041.767 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | | 25.403.334.049 | 18.068.165.388 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 13.845.916.757 | 13.845.916.757 |
| 6. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 10.665.185.899 | - |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 892.231.393 | 892.231.393 |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | - | 3.330.017.238 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | - | 3.330.017.238 |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | V.16 | 931.851.551.434 | 782.053.876.379 |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | 931.851.551.434 | 782.053.876.379 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.070.231.994.897 | 876.109.522.485 |

Khánh Hoà, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 147.062.397.670 | 159.293.394.549 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 147.062.397.670 | 159.293.394.549 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 125.938.763.120 | 140.429.263.016 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 21.123.634.550 | 18.864.131.533 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 178.378.112 | 518.988.915 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 175.622.752 | 15.000.000 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 175.622.752 | 15.000.000 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.07 | - | 30.556.821 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.07 | 19.504.247.216 | 17.356.328.887 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.622.142.694 | 1.981.234.740 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.05 | 372.111.243 | 3.288.292.476 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.06 | 408.962.211 | 899.812.947 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | (36.850.968) | 2.388.479.529 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 1.585.291.726 | 4.369.714.269 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.08 | 388.847.570 | 1.039.697.031 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 1.196.444.156 | 3.330.017.238 |

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|------------|--|-----------|-------------|-------------------------|--------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 139.435.978.230 | 139.131.981.389 |
| 2. | Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (59.716.122.401) | (41.398.081.177) |
| 3. | Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (76.016.257.028) | (83.383.804.512) |
| 4. | Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (128.837.961) | (15.000.000) |
| 5. | Thuế TNDN đã nộp | 05 | | (924.818.024) | (1.823.716.351) |
| 6. | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 6.679.689.795 | 3.110.029.260 |
| 7. | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (24.083.270.654) | (14.901.752.034) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (14.753.638.043) | 719.656.575 |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | - | (319.618.185) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 178.378.112 | 518.988.915 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 178.378.112 | 199.370.730 |

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. | Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | | 33.337.553.151 | 2.000.000.000 |
| 4. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (21.970.000.000) | (2.000.000.000) |
| 5. | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (4.441.761.636) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 11.367.553.151 | (4.441.761.636) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (3.207.706.780) | (3.522.734.331) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 9.663.708.369 | 13.186.442.700 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 6.456.001.589 | 9.663.708.369 |

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH MTV thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 08 tháng 01 năm 2016.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 – 37 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 năm |
| - TSCĐ hữu hình khác | 05 – 10 năm |

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

Đối với tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa không thực hiện tính khấu hao.

06. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 2346/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh) thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn;

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Tiền mặt | 67.725.650 | 303.510.992 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.388.275.939 | 4.360.197.377 |
| - Tiền đang chuyển | - | - |
| - Các khoản tương đương tiền | - | 5.000.000.000 |
| Cộng | 6.456.001.589 | 9.663.708.369 |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|--------------------|-----------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|-----------------|
| | <i>Giá gốc</i> | <i>Giá trị hợp lý</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá gốc</i> | <i>Giá trị hợp lý</i> | <i>Dự phòng</i> |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 200.000.000 | 200.000.000 | - | 200.000.000 | 200.000.000 | - |
| + Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn | 200.000.000 | 200.000.000 | - | 200.000.000 | 200.000.000 | - |
| Cộng | 200.000.000 | 200.000.000 | - | 200.000.000 | 200.000.000 | - |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 62.439.799.513 | 39.552.891.434 |
| - Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng đường sắt | - | 12.228.892.000 |
| - Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực III | 24.924.462.000 | 25.924.462.000 |
| - Tổng Công ty đường sắt Việt Nam | 20.890.954.298 | - |
| - Công ty Cổ phần Công trình 793 | 9.649.870.000 | - |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 6.974.513.215 | 1.399.537.434 |
| Cộng | 62.439.799.513 | 39.552.891.434 |

b. Các bên liên quan

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | |
| Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng đường sắt | - | 12.228.892.000 |
| Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực III | 24.924.462.000 | 25.924.462.000 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình đường sắt | - | 963.899.434 |
| XN 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 | 64.108.000 | 64.108.000 |
| XN 305 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 | 117.876.000 | 117.876.000 |
| Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn) | - | 242.340.000 |
| Tổng Công ty đường sắt Việt Nam | 20.890.954.298 | - |
| Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Thuận Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải) | 633.492.000 | - |
| Cộng | 46.630.892.298 | 39.541.577.434 |

04. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 3.028.230.658 | - | 1.770.556.448 | - |
| - Phải thu về cổ phần hoá | - | - | - | - |
| - Phải thu của người lao động | 1.144.852.704 | - | - | - |
| - Tạm ứng | 566.518.455 | - | 537.237.546 | - |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 329.416.710 | - | 18.000.000 | - |
| - Phải thu khác | 987.442.789 | - | 1.215.318.902 | - |
| + Phải thu người lao động thuế TNCN | 138.953.318 | - | 148.886.631 | - |
| + Cước vận chuyển 500 thanh ray Dự án K1, K2 | 264.025.000 | - | - | - |
| + Tạm nộp bảo hiểm 6 tháng đầu năm 2015 | - | - | 888.325.968 | - |
| + Các khoản phải thu khác | 584.464.471 | - | 178.106.303 | - |
| Cộng | 3.028.230.658 | - | 1.770.556.448 | - |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 20.162.613.750 ✓ | - | 19.649.941.086 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 477.776.865 ✓ | - | 647.826.205 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 10.465.740.400 ✓ | - | 7.213.743.265 | - |
| Cộng | 31.106.131.015 | - | 27.531.739.882 | - |

06. Tài sản dở dang dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|--------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | |
| - Dự án chung cư đường sắt Nha Trang (*) | - | 253.879.534 |
| Cộng | - | 253.879.534 |

(*): Trong năm đã trình bày lại trên khoản mục "Hàng tồn kho" theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng cộng |
|--|--------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>1.593.069.453.586</i> | <i>28.827.026.380</i> | <i>10.538.494.992</i> | <i>202.005.182</i> | <i>289.434.398</i> | <i>1.632.926.414.538</i> |
| - Mua trong năm | - | - | - | - | - | - |
| - Tăng (giảm) do xác định lại giá trị doanh nghiệp | 10.939.864.334 | - | 166.647.175 | - | - | 11.106.511.509 |
| - Tăng do nhận bàn giao | 224.676.021.966 | - | - | - | - | 224.676.021.966 |
| - Giảm sau quyết toán dự án | (1.973.609.991) | - | - | - | - | (1.973.609.991) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| <i>Số dư cuối năm</i> | <i>1.826.711.729.895</i> | <i>28.827.026.380</i> | <i>10.705.142.167</i> | <i>202.005.182</i> | <i>289.434.398</i> | <i>1.866.735.338.022</i> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>832.839.564.825</i> | <i>24.708.873.708</i> | <i>6.623.978.468</i> | <i>182.307.601</i> | <i>289.434.398</i> | <i>864.644.159.000</i> |
| - Khấu hao trong năm | 73.333.764.899 | 763.769.964 | 634.101.704 | 7.500.000 | - | 74.739.136.567 |
| - Tăng (giảm) do xác định lại giá trị doanh nghiệp | 5.536.026.621 | (677.986.151) | (1.055.198.742) | (45.803.715) | - | 3.757.038.013 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| <i>Số dư cuối năm</i> | <i>911.709.356.345</i> | <i>24.794.657.521</i> | <i>6.202.881.430</i> | <i>144.003.886</i> | <i>289.434.398</i> | <i>943.140.333.580</i> |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| <i>1. Tại ngày đầu năm</i> | <i>760.229.888.761</i> | <i>4.118.152.672</i> | <i>3.914.516.524</i> | <i>19.697.581</i> | - | <i>768.282.255.538</i> |
| <i>2. Tại ngày cuối năm</i> | <i>915.002.373.550</i> | <i>4.032.368.859</i> | <i>4.502.260.737</i> | <i>58.001.296</i> | - | <i>923.595.004.442</i> |

Nguyên giá tài sản cố định đã hết hao mòn nhưng vẫn sử dụng 370.434.560.360 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>27.033.145.337</i> | <i>27.033.145.337</i> |
| - Mua trong năm | - | - |
| - Tăng khác | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| - Giảm khác | - | - |
| <i>Số dư cuối năm</i> | <i>27.033.145.337</i> | <i>27.033.145.337</i> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | - | - |
| - Khấu hao trong năm | - | - |
| - Tăng khác | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| - Giảm khác | - | - |
| <i>Số dư cuối năm</i> | - | - |
| III. Giá trị còn lại | | |
| <i>1. Tại ngày đầu năm</i> | <i>27.033.145.337</i> | <i>27.033.145.337</i> |
| <i>2. Tại ngày cuối năm</i> | <i>27.033.145.337</i> | <i>27.033.145.337</i> |

09. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|------------|
| Dài hạn | 3.315.712.403 | - |
| - Giá trị lợi thế kinh doanh | 3.094.913.414 | - |
| - Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 220.798.989 | - |
| Cộng | 3.315.712.403 | - |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Vay ngắn hạn | - | - | 48.781.388.500 | 21.970.000.000 | 26.811.388.500 | 26.811.388.500 |
| - Vay ngân hàng | - | - | 48.781.388.500 | 21.970.000.000 | 26.811.388.500 | 26.811.388.500 |
| + Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | - | - | 48.781.388.500 | 21.970.000.000 | 26.811.388.500 | 26.811.388.500 |
| Cộng | - | - | 48.781.388.500 | 21.970.000.000 | 26.811.388.500 | 26.811.388.500 |

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hoà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42315DN/VHM/TD ngày 27 tháng 10 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức vay là 20.000.000.0000 đồng, thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án chung cư đường sắt Nha Trang.

11. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 45.798.715.353 | 45.798.715.353 | 41.432.730.287 | 41.432.730.287 |
| - Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt | 22.485.193.847 | 22.485.193.847 | 23.250.004.492 | 23.250.004.492 |
| - Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xây dựng công trình đường sắt | 4.940.306.629 | 4.940.306.629 | 2.867.351.507 | 2.867.351.507 |
| - Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | 18.373.214.877 | 18.373.214.877 | 15.315.374.288 | 15.315.374.288 |
| Cộng | 45.798.715.353 | 45.798.715.353 | 41.432.730.287 | 41.432.730.287 |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | | | | |
| Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| - Công ty Cổ phần Vật tư đường sắt Sài Gòn | - | - | 710.483.806 | 710.483.806 |
| - Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Thuận Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải) | 3.216.254.000 | 3.216.254.000 | 3.216.254.000 | 3.216.254.000 |
| - Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình) | 3.118.389.000 | 3.118.389.000 | 3.118.389.000 | 3.118.389.000 |
| - Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn) | 306.232.000 | 306.232.000 | 548.572.000 | 548.572.000 |
| - Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt | 22.485.193.847 | 22.485.193.847 | 23.250.004.492 | 23.250.004.492 |
| - Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải) | 52.611.529 | 52.611.529 | 52.611.529 | 52.611.529 |
| - Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Thanh Hoá (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hoá) | 2.845.129.500 | 2.845.129.500 | - | - |
| - Công ty TNHH MTV Đá Hoàng Mai | 982.820.566 | 982.820.566 | 516.704.581 | 516.704.581 |
| - Công ty CP Vật liệu và xây dựng đường sắt phía Nam | - | - | 270.336.000 | 270.336.000 |
| - XN Kinh doanh dịch vụ và Xây dựng công trình đường sắt | - | - | 2.867.351.507 | 2.867.351.507 |
| Cộng | 33.006.630.442 | 33.006.630.442 | 34.550.706.915 | 34.550.706.915 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|--------------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
| - Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | 2.192.494.314 | 9.431.679.333 | 8.645.923.394 | - | 2.978.250.253 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 826.406.720 | 388.847.570 | 924.818.024 | - | 290.436.266 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 164.962.044 | - | 19.187.785 | - | 145.774.259 | - |
| - Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| Cộng | 164.962.044 | 3.018.901.034 | 9.843.714.688 | 9.574.741.418 | 145.774.259 | 3.268.686.519 |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Ngắn hạn | 141.784.791 | 990.038.363 |
| - Chi phí lãi vay | 46.784.791 | - |
| - Chi phí sửa chữa tài sản cố định | - | 990.038.363 |
| - Chi phí phải trả khác | 95.000.000 | - |
| Cộng | 141.784.791 | 990.038.363 |

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | 12.789.340.216 | 4.737.992.064 |
| - Kinh phí công đoàn | - | 17.816.800 |
| - Bảo hiểm xã hội | 35.842.570 | 104.169.100 |
| - Phải trả về cổ phần hoá | 615.613.400 | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 12.137.884.246 | 4.616.006.164 |
| + <i>Phải trả trợ cấp thôi việc</i> | <i>30.107.000</i> | <i>383.582.600</i> |
| + <i>Phải trả vật tư thu hồi</i> | <i>8.736.522.119</i> | <i>1.283.878.774</i> |
| + <i>Chênh lệch giá nhượng bán vật tư thu hồi</i> | <i>1.658.307.375</i> | <i>1.658.307.375</i> |
| + <i>Vật tư dự phòng các công trình đại tu</i> | <i>160.573.000</i> | <i>160.573.000</i> |
| + <i>Công thu hồi vật tư</i> | <i>319.666.900</i> | <i>310.077.700</i> |
| + <i>Các đối tượng khác</i> | <i>1.232.707.852</i> | <i>819.586.715</i> |
| Cộng | 12.789.340.216 | 4.737.992.064 |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 13.845.916.757 | - | 892.231.393 | 5.213.926.882 | 19.952.075.032 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 3.330.017.238 | 3.330.017.238 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | (5.213.926.882) | (5.213.926.882) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 13.845.916.757 | - | 892.231.393 | 3.330.017.238 | 18.068.165.388 |
| Số dư đầu năm nay | 13.845.916.757 | - | 892.231.393 | 3.330.017.238 | 18.068.165.388 |
| Tăng vốn trong năm nay (*) | - | 10.665.185.899 | - | - | 10.665.185.899 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 1.196.444.156 | 1.196.444.156 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong năm nay | - | - | - | - | - |
| Phân phối lợi nhuận (**) | - | - | - | (4.526.461.394) | (4.526.461.394) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm nay | 13.845.916.757 | 10.665.185.899 | 892.231.393 | - | 25.403.334.049 |

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản tăng theo Quyết định số 2346/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| (**): Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm | Phân phối lợi nhuận của năm 2015 | Phân phối lợi nhuận của năm 2014 |
|--|----------------------------------|----------------------------------|
| - Trích quỹ khen thưởng | 670.008.727 | 1.890.063.000 |
| - Trích quỹ phúc lợi | 454.648.779 | 1.260.041.738 |
| - Quỹ thưởng ban điều hành | 71.786.650 | 179.912.500 |
| Cộng | 1.196.444.156 | 3.330.017.238 |

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối năm VND | Tỷ lệ % | Số đầu năm VND | Tỷ lệ % |
|-----------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | 13.845.916.757 | 100 | 13.845.916.757 | 100 |
| Cộng | 13.845.916.757 | 100 | 13.845.916.757 | 100 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 13.845.916.757 | 13.845.916.757 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 13.845.916.757 | 13.845.916.757 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | 1.564.178.065 |
| + Lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | - | 1.564.178.065 |
| + Lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm này | - | - |

d. Các quỹ của Công ty

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 892.231.393 | 892.231.393 |
| Cộng | 892.231.393 | 892.231.393 |

16. Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-----------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.620.549.386.570 | 838.495.510.191 | 782.053.876.379 |
| Tăng trong năm | 222.702.411.975 | 72.904.736.920 | 222.702.411.975 |
| Giảm trong năm | - | - | 72.904.736.920 |
| Số dư cuối năm | 1.843.251.798.545 | 911.400.247.111 | 931.851.551.434 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu công ích | 120.971.162.727 | 111.273.931.819 |
| Doanh thu hoạt động khác | 26.091.234.943 | 48.019.462.730 |
| Cộng | 147.062.397.670 | 159.293.394.549 |

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu đối với các bên liên quan | | |
| Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt | 126.791.091.180 | 114.882.148.183 |
| + Sửa chữa đường sắt | 126.791.091.180 | 111.711.617.274 |
| + Khắc phục bão lũ | - | 3.170.530.909 |
| Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Thuận Hải | 700.167.273 | 224.693.636 |
| + Sửa chữa đường sắt | - | 224.375.454 |
| + Cho thuê phòng | - | 318.182 |
| + Sửa chữa máy chèn đường | 700.167.273 | - |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình đường sắt | - | 521.802.727 |
| + Thi công cầu | - | 521.802.727 |
| Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 | - | 3.774.209.091 |
| + Doanh thu công trình cầu Đồng Nai | - | 3.774.209.091 |
| 02. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn hoạt động công ích | 101.272.514.560 | 92.868.847.731 |
| Giá vốn hoạt động khác | 24.666.248.560 | 47.560.415.285 |
| Cộng | <u>125.938.763.120</u> | <u>140.429.263.016</u> |
| 03. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 178.378.112 | 518.988.915 |
| Cộng | <u>178.378.112</u> | <u>518.988.915</u> |
| 04. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| - Lãi tiền vay | 175.622.752 | 15.000.000 |
| Cộng | <u>175.622.752</u> | <u>15.000.000</u> |
| 05. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| - Hoàn nhập quỹ dự phòng bảo hành công trình | - | 837.776.773 |
| - Hoàn nhập chi phí sửa chữa lớn máy chèn Áo | - | 2.283.124.244 |
| - Thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 125.000.000 | - |
| - Các khoản khác | 247.111.243 | 167.391.459 |
| Cộng | <u>372.111.243</u> | <u>3.288.292.476</u> |
| 06. Chi phí khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| - Truy thu thuế GTGT | 5.746.858 | - |
| - Xử lý vật tư hỏng | - | 114.025.751 |
| - Xử lý bồi thường chậm tàu | 6.500.000 | 102.800.000 |
| - Các khoản bị phạt chậm nộp | 92.759.681 | 92.415.919 |
| - Các khoản khác | 303.955.672 | 590.571.277 |
| Cộng | <u>408.962.211</u> | <u>899.812.947</u> |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh | 19.504.247.216 | 17.356.328.887 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 8.416.352.094 | 8.766.430.330 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 828.400.925 | 574.102.783 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 482.584.226 | - |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 423.989.980 | 234.659.692 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 55.863.255 | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.379.773.046 | 5.011.866.862 |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 7.917.283.690 | 2.769.269.220 |
| b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh | - | 30.556.821 |
| - Chi phí nhân viên | - | 4.547.328 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | - | 8.351.253 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | - | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | - |
| - Các khoản chi phí bán hàng khác | - | 17.658.240 |
| Cộng | 19.504.247.216 | 17.386.885.708 |

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|----------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 358.562.353 | 1.039.697.031 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 30.285.217 | - |
| - Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 388.847.570 | 1.039.697.031 |

(*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.585.291.726 | 4.369.714.269 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 169.537.151 | 356.181.325 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 125.000.000 | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 1.629.828.877 | 4.725.895.594 |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 358.562.353 | 1.039.697.031 |

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 36.141.897.237 | 29.281.344.191 |
| - Chi phí nhân công | 66.123.249.657 | 71.723.248.072 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.782.589.647 | 2.502.639.748 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 36.473.927.433 | 31.804.805.160 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 8.173.343.497 | 8.488.614.093 |
| Cộng | 148.695.007.471 | 143.800.651.264 |

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2016, Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|--------------------|--------------------|
| Tiền lương | 725.653.932 | 999.497.707 |
| Cộng | 725.653.932 | 999.497.707 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|-----------------------------------|
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | Công ty mẹ |
| Ban Quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Thuận Hải | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vật tư đường sắt Sài Gòn | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn) | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình) | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Ban Quản lý dự án đường sắt Khu vực 3 | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa đường sắt | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Công trình 3 | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình) | Công ty thành viên của công ty mẹ |

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|-----------------------------------|
| Bình) | |
| Công ty Cổ phần Công trình 6 | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Ban Thường trực Đường sắt 3 | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Đá Hoàng Mai | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH Du lịch Dịch vụ Công đoàn Đường sắt | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Xí nghiệp Vật tư Đường sắt Phú Khánh | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng đường sắt phía Nam | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải) | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần XNK Vật tư thiết bị Đường sắt | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần DV du lịch Đường sắt Hà Nội | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Cao Đẳng nghề đường sắt phía Nam | Công ty thành viên của công ty mẹ |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK VTTB ĐS Hải Phòng | Công ty thành viên của công ty mẹ |

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|---|
| <i>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</i> | | |
| - Trả phí quản lý theo tỷ lệ doanh thu | 2.177.480.929 | 1.810.565.901 |
| - Trả lãi và phí quản lý tài sản cố định | 381.126.530 | 170.614.153 |
| - Trả lợi nhuận trong năm | - | 1.564.178.065 |
| - Phạt chậm tàu | 6.500.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Thuận Hải</i> | | |
| - Nhận nợ công trình thuộc GD 2 kế hoạch 1856 | - | 4.605.685.455 |
| <i>Công ty Cổ phần Vật tư đường sắt Sài Gòn</i> | | |
| - Bán vật tư thu hồi | - | 1.562.691.910 |
| - Mua hàng trong năm | 117178000 | 1.206.590.969 |
| <i>Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn)</i> | | |
| - Nhận nợ công trình thuộc GD 2 kế hoạch 1856 | - | 1.407.792.727 |
| <i>Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình)</i> | | |
| - Nhận nợ công trình thuộc GD 2 kế hoạch 1856 | - | 4.289.444.545 |
| <i>Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình</i> | | |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | <i>Đơn vị tính: VND</i> Năm trước |
|--|----------------|---|
| đường sắt | | |
| - Mua hàng | 458.142.232 | 11.653.755.360 |
| Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 | | |
| - Nhận nợ công trình thuộc GD 2 kế hoạch 1856 | - | 37.529.847.272 |
| Xí nghiệp cao su đường sắt - Công ty Vận tải hàng hóa đường sắt | | |
| - Mua hàng | - | 343.020.000 |
| Công ty TNHH MTV Đá Hoàng Mai | | |
| - Mua hàng | - | 2.078.636.590 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí đường sắt Đà Nẵng | | |
| - Mua hàng | - | 456.769.620 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Vật tư thiết bị Đường sắt - XN Vật tư tổng hợp Vinh | | |
| - Mua hàng | - | 1.540.273.631 |
| Công ty Cổ phần Vật liệu và xây dựng đường sắt phía Nam | | |
| - Mua hàng | 626.688.000 | 929.792.000 |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải) | | |
| - Sử dụng dịch vụ | 47.828.663 | 47.828.663 |
| Công ty Cổ phần XNK Vật tư thiết bị Đường sắt | | |
| - Chi phí tiếp khách | - | 3.495.000 |
| - Mua hàng | 479.346.349 | - |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa đường sắt | | |
| - Chi phí vận chuyển đá | - | 117.912.000 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa đường sắt Sài Gòn | | |
| - Chi phí vận chuyển đá | 2.573.896.000 | 1.882.989.000 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa đường sắt Hà Nội | | |
| - Chi phí vận chuyển đá | - | 594.558.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK VTTB ĐS Hải Phòng | | |
| - Mua hàng | - | 99.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn | | |
| - Nhận nợ CT thuộc giai đoạn 2 KH 1856 | - | 1.883.542.727 |
| - Nhận nợ sửa chữa đường ngang km 1311+967 | - | 87.497.273 |
| Cao Đẳng nghề đường sắt phía Nam | | |
| - Chi phí đào tạo nghề Đường sắt | 188.573.000 | 66.233.000 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải hành khách Đường sắt Sài Gòn | | |
| - Chi phí vận chuyển đá | - | 32.302.000 |

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)
 02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | | <i>Đơn vị tính: VND</i> |
| - Tiền thuế đất Đà Lạt | 103.506.705 | - |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Thanh Hoá | | |
| - Sử dụng dịch vụ | 4.240.733.600 | - |
| Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.11, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tổng Công ty đường sắt Việt Nam | | |
| + Phải thu nội bộ ngắn hạn | 933.473.987 | 1.034.526.496 |
| Công ty TNHH MTV Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn | | |
| + Trả trước cho người bán | 39.572.000 | 39.572.000 |
| Ban Quản lý dự án đường sắt Khu vực 3 | | |
| + Trả trước cho người bán | - | 25.924.462.000 |
| Cộng nợ phải thu | <u>973.045.987</u> | <u>26.998.560.496</u> |
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | | |
| + Phải trả nội bộ ngắn hạn | 6.742.574.382 | 9.458.985.417 |
| + Phải trả nội bộ dài hạn | 10.475.702.644 | 4.244.826.971 |
| Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Thuận Hải (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải) | | |
| + Người mua trả tiền trước | - | 136.692.000 |
| XN 304 - Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình 3 | | |
| + Người mua trả tiền trước | 32.124.000 | 32.124.000 |
| Phân Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt khu vực 3 | | |
| + Người mua trả tiền trước | - | 98.516.000 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải hành khách Đường sắt Sài Gòn | | |
| + Phải trả khác | - | 17.829.880 |
| Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Nam - Đà Nẵng | | |
| + Phải trả khác | - | 178.410.000 |
| Cộng nợ phải trả | <u>17.250.401.026</u> | <u>14.167.384.268</u> |

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH)**

02 Yersin, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| STT | Nội dung | Số dư tại 01/01/2015 (VND) | Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014 | | Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015 | |
|-----|-----------------------------|----------------------------------|---|-------|--|-------|
| | | | Tên chỉ tiêu | Mã số | Tên chỉ tiêu | Mã số |
| 1 | Tạm ứng | 537.237.546 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | Phải thu ngắn hạn khác | 136 |
| 2 | Ký quỹ, ký cước ngắn hạn | 18.000.000 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | Phải thu ngắn hạn khác | 136 |

04. Thông tin về hoạt động liên tục

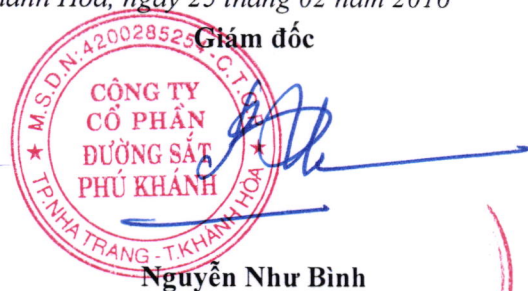
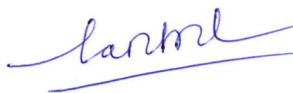
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Khánh Hoà, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình